Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8418.91.00

Mã HS	8418.91.00
Mô tả hàng hóa	Tủ lạnh, tủ kết đông (1) và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15 / - Bộ phận: / - - Có kiểu dáng nội thất được thiết kế để lắp đặt thiết bị làm lạnh hoặc kết đông
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 11:42:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84189100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13370
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13370
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13370
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM)	0% (trừ LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12660
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12601
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12601
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12601
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12601
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12601
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12601
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12655
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12655

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12655
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12655
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12655
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12655
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12656
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12656
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12656
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12656
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12656
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12656
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12659
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12607
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12615
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12615
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12615
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12615
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12615
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12615
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12646
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12646
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12646
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12646
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12646
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12646
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12695
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12695

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12695
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12695
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12695
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12695
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12678
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12678
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12678
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12678
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12678
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12678
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12678
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12678
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12678
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12678
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12678
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12678
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12693
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12693
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12693
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12693
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12693
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12693
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12692
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12692
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12692
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12692

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12692
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12692
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12672
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12672
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12672
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12672
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12672
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12672
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12672
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12680
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12680
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12680
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12680
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12680
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12680
RCEP B	2022	2022	0	B!D12680
RCEP B	2023	2023	0	B!E12680
RCEP B	2024	2024	0	B!F12680
RCEP B	2025	2025	0	B!G12680
RCEP B	2026	2026	0	B!H12680
RCEP B	2027	2027	0	B!I12680
RCEP C	2022	2022	0	C!D12680
RCEP C	2023	2023	0	C!E12680
RCEP C	2024	2024	0	C!F12680
RCEP C	2025	2025	0	C!G12680
RCEP C	2026	2026	0	C!H12680

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12680
RCEP D	2022	2022	0	D!D12679
RCEP D	2023	2023	0	D!E12679
RCEP D	2024	2024	0	D!F12679
RCEP D	2025	2025	0	D!G12679
RCEP D	2026	2026	0	D!H12679
RCEP D	2027	2027	0	D!I12679
RCEP E	2022	2022	0	E!D12683
RCEP E	2023	2023	0	E!E12683
RCEP E	2024	2024	0	E!F12683
RCEP E	2025	2025	0	E!G12683
RCEP E	2026	2026	0	E!H12683
RCEP E	2027	2027	0	E!I12683
RCEP F	2022	2022	0	F!D12680
RCEP F	2023	2023	0	F!E12680
RCEP F	2024	2024	0	F!F12680
RCEP F	2025	2025	0	F!G12680
RCEP F	2026	2026	0	F!H12680
RCEP F	2027	2027	0	F!I12680
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F11748
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G11748
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H11748
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I11748

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8418.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8418.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13370), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.